

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thực hiện nhiệm vụ xây dựng bản đồ nông hóa phục vụ thâm canh chuyển đổi cơ cấu cây trồng và quản lý sử dụng bền vững tài nguyên đất sản xuất nông nghiệp tỉnh Thanh Hóa (giai đoạn 2)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 58-NQ/TW ngày 05/8/2020 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Nghị quyết số 13-NQ/TU ngày 11/01/2019 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa về tích tụ, tập trung đất đai để phát triển nông nghiệp quy mô lớn, công nghệ cao đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh: số 1521/QĐ-UBND ngày 17/4/2024 về việc phê duyệt nhiệm vụ xây dựng bản đồ nông hóa phục vụ thâm canh chuyển đổi cơ cấu cây trồng và quản lý sử dụng bền vững tài nguyên đất sản xuất nông nghiệp tỉnh Thanh Hóa (giai đoạn 2); số 4587/QĐ-UBND ngày 20/11/2024 về việc phê duyệt dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ xây dựng bản đồ nông hóa phục vụ thâm canh chuyển đổi cơ cấu cây trồng và quản lý sử dụng bền vững tài nguyên đất sản xuất nông nghiệp tỉnh Thanh Hóa (giai đoạn 2); số 2703/QĐ-UBND ngày 11/8/2025 về việc phê duyệt điều chỉnh nhiệm vụ xây dựng bản đồ nông hóa phục vụ thâm canh chuyển đổi cơ cấu cây trồng và quản lý sử dụng bền vững tài nguyên đất sản xuất nông nghiệp tỉnh Thanh Hóa (giai đoạn 2);

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 1019/TTr-SNNMT ngày 30/6/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thực hiện nhiệm vụ xây dựng bản đồ nông hóa phục vụ thâm canh chuyển đổi cơ cấu cây trồng và quản lý sử dụng bền vững tài nguyên đất sản xuất nông nghiệp tỉnh Thanh Hóa (giai đoạn 2), gồm:

1. Số liệu về kết quả phân tích mẫu nông hóa của 100 xã, phường.
2. Số liệu về kết quả phân tích các chỉ tiêu đặc thù trên một số cây trồng chính của 100 xã, phường.
3. Báo cáo đánh giá hiệu quả sử dụng đất sản xuất nông nghiệp tại 100 xã, phường.
4. Báo cáo định hướng sử dụng đất sản xuất nông nghiệp bền vững và các giải pháp khoa học nhằm bảo vệ và cải tạo đất cho 100 xã, phường.
5. Bản đồ nông hóa, tỷ lệ 1/5.000 (vùng đồng bằng) và tỷ lệ 1/10.000 (vùng đồi núi) của 100 xã, phường kèm theo thuyết minh bản đồ.
6. Bản đồ phân hạng mức độ thích hợp đất đai của 100 xã, phường kèm theo thuyết minh bản đồ.
7. Bản đồ khuyến cáo bón phân cân đối cho các loại cây trồng chính cho 100 xã, phường tỷ lệ 1/5.000 (vùng đồng bằng) và tỷ lệ 1/10.000 (vùng đồi núi) kèm theo thuyết minh bản đồ.
8. Bộ cơ sở dữ liệu trực tuyến về đất sản xuất nông nghiệp của 100 xã, phường trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa được cập nhật lên website: <http://datnongnghiepthanhhoa.com>.
9. Tài liệu hướng dẫn sử dụng cơ sở dữ liệu cho người dùng và hướng dẫn cập nhật cơ sở dữ liệu cho người quản trị.
10. Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện của 100 xã, phường.
11. Báo cáo tổng kết nhiệm vụ.

Điều 2. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường:

1. Công bố kết quả xây dựng bản đồ nông hóa phục vụ thâm canh chuyển đổi cơ cấu cây trồng và quản lý sử dụng bền vững tài nguyên đất sản xuất nông nghiệp tỉnh Thanh Hóa (giai đoạn 2) ở dạng trực tuyến (WebGIS) trên trang Web: <http://datnongnghiepthanhhoa.com> có phần mềm quản lý và khai thác sử dụng dữ liệu với các chức năng chính: Hiển thị bản đồ; lọc dữ liệu bản đồ; thống kê số liệu; tra cứu thông tin; hiển thị báo cáo, trích xuất báo cáo, in báo cáo; quản trị hệ thống và kèm theo tài liệu hướng dẫn sử dụng WebGIS cho người dùng, hướng dẫn cập nhật cơ sở dữ liệu cho người quản trị.

2. Triển khai các bước tiếp theo đảm bảo đúng quy định; đồng thời phối hợp với các Sở, ban, ngành liên quan, UBND các xã, phường: Hạc Thành, Quảng Phú, Đông Quang, Đông Sơn, Đông Tiến, Hàm Rồng, Nguyệt Viên, Sầm Sơn, Nam Sầm Sơn, Bim Sơn, Quang Trung, Ngọc Sơn, Tân Dân, Hải Lĩnh, Tĩnh Gia, Đào Duy Từ, Hải Bình, Trúc Lâm, Nghi Sơn, Các Sơn, Trường Lâm, Triệu Lộc, Đông Thành, Hậu Lộc, Hoa Lộc, Vạn Lộc, Nga Sơn, Nga Thắng, Hồ

Vương, Nga An, Tân Tiến, Ba Đình, Hoàng Hóa, Hoàng Tiến, Hoàng Thanh, Hoàng Lộc, Hoàng Châu, Hoàng Sơn, Hoàng Phú, Hoàng Giang, Thọ Xuân, Thọ Long, Xuân Hòa, Sao Vàng, Lam Sơn, Thọ Lập, Xuân Tín, Xuân Lập, Vĩnh Lộc, Tây Đô, Biện Thượng, Triệu Sơn, Thọ Bình, Thọ Ngọc, Thọ Phú, Hợp Tiến, An Nông, Tân Ninh, Đồng Tiến, Lưu Vệ, Quảng Yên, Quảng Ngọc, Quảng Ninh, Quảng Bình, Tiên Trang, Quảng Chính, Hồi Xuân, Nam Xuân, Thiên Phú, Hiền Kiệt, Phú Lệ, Trung Thành, Trung Sơn, Phú Xuân, Tam Lư, Quan Sơn, Trung Hạ, Mường Mìn, Tam Thanh, Sơn Thủy, Na Mèo, Sơn Điện, Nông Cống, Thăng Lợi, Trung Chính, Trường Văn, Thăng Bình, Tượng Lĩnh, Công Chính, Thiệu Hóa, Thiệu Quang, Thiệu Tiến, Thiệu Toán, Thiệu Trung, Ngọc Lặc, Thạch Lập, Ngọc Liên, Minh Sơn, Nguyệt Án, Kiên Thọ trên cơ sở kết quả nhiệm vụ trên đã được phê duyệt, ứng dụng vào quá trình quản lý, chỉ đạo sản xuất nông nghiệp đạt hiệu quả cao nhất.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường; Khoa học và Công nghệ; Tài chính; Chủ tịch UBND các xã, phường có tên tại Điều 2; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (để b/c);
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Các sở, ngành, đơn vị cấp tỉnh;
- Đảng ủy, UBND các xã, phường;
- Lưu: VT, NNMT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Cao Văn Cường